

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST
Ngày: 14-9-2020
Về việc “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Hồng Hải

Ông Hồ Văn Bún

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần A. Địa chỉ: Tòa nhà T, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường X, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang Tr - Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để tham gia tố tụng tại Tòa án: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1983. Địa chỉ: 16, Qu, phường I, Thành phố O, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Võ Công B, sinh năm 1984 và bà Mai Thị S, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện V, tỉnh Long An.

Bà Thủy có mặt, ông B, bà S vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng giải quyết như sau:

Ngày 12/11/2018 ông B, bà S có ký hợp đồng tín dụng (sau đây viết tắt là HĐTD) số 0621800012800 với nội dung sau: số tiền vay 70.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày được cấp tín dụng, lãi suất vay được xác định theo giấy nhận nợ. Ngày 12/11/2018, theo giấy nhận nợ số 0621800012800001 thì ông B bà S đã nhận số tiền 70.000.000 đồng với mức lãi suất trong hạn là 24%/năm (mức lãi này có điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng), định kỳ mỗi tháng trả gốc và lãi 01 lần vào ngày 15 với số tiền 2.916.667 đồng, bắt đầu từ ngày 17/12/2018 đến ngày 12/11/2020 (đợt cuối trả 2.916.659 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 07/4/2020, ông B bà S đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 40.833.339 đồng và lãi 15.102.440 đồng (chi tiết trả nợ được thể hiện trong bảng số phụ thu tài sản tiền vay từ ngày 10/11/2018 đến 20/8/2020). Từ ngày 15/5/2019, ông B, bà S bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng và từ ngày 15/01/2020 thì ông B, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiếp nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông B, bà S sang nợ quá hạn và đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà S phải trả một lần toàn bộ nợ vay bao gồm nợ gốc là 29.166.661 đồng, lãi trong hạn 1.495.762 đồng, lãi quá hạn 216.425 đồng, lãi phạt chậm lãi là 44.351 đồng và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết đến khi thanh toán xong số nợ.

- Bị đơn trình bày: Ông B, bà S được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP A khởi kiện ông B, bà S do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng số 0621800012800 ngày 12/11/2018. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Đồng thời, trong hợp đồng tín dụng xác định nơi cư trú của ông B, bà S là tại ấp M, xã K, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông B, bà S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà S.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về việc giao kết hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 0621800012800 ngày 12/11/2018 có đầy đủ chữ ký của ông B, bà S; Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tổng đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập và mở các phiên

hợp công khai chứng cứ, hòa giải nhưng ông B bà S đều không đến Tòa án và cũng không có văn bản phản đối về việc khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, có căn cứ xác định HĐTD nêu trên giữa Ngân hàng TMCP A và ông B bà S là có thật và phù hợp với quy định tại khoản 16, Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 463 Bộ luật dân sự nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng như đã cam kết.

- Xét việc thực hiện hợp đồng: Theo cam kết trong HĐTD thì tổng nợ vay gốc là 70.000.000 đồng phải thanh toán gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng, bắt đầu từ ngày 17/12/2018 với số tiền là 2.916.667 đồng nhưng từ ngày 15/5/2019 ông B, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông B, bà S nên ông B bà S có khắc phục đến ngày 15/01/2020 và từ đó đến nay ông B, bà S không trả thêm số tiền nào khác. Như vậy, có căn cứ xác định ông B, bà S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong HĐTD nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B, bà S liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Xét về số tiền gốc và tiền lãi còn nợ: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì số tiền vay gốc là 70.000.000 đồng, mức lãi suất áp dụng đối với khoản vay trong hạn là 24%/năm (điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng và mức lãi suất áp dụng hiện nay là 24,5%/năm) nợ lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn và lãi chậm trả lãi là 10%/năm đây là mức lãi suất phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 468 Bộ luật dân sự. Đối chiếu với số tiền nợ gốc ông B bà S đã trả đến ngày 15/01/2020 là 40.833.339 đồng thì nợ lại 29.166.661 đồng nợ gốc. Về tiền nợ lãi từ ngày 15/01/2020 đến 14/9/2020 là 5.688.420 đồng (trong đó lãi trong hạn là 3.095.253 đồng, lãi quá hạn 2.482.372 đồng lãi phạt chậm lãi là 110.795 đồng).

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A về việc buộc ông B, bà S phải trả nợ gốc và lãi là 34.855.081 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Võ Công B và bà Mai Thị S phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc và lãi là 34.855.081 (ba mươi bốn triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, không trăm tám mươi một) đồng, trong đó nợ gốc là 29.166.661 (hai mươi chín triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi một) đồng, nợ lãi trong hạn là 3.095.253 (ba triệu, không trăm, chín mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi ba) đồng, lãi quá hạn 2.482.372 (hai triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi hai) đồng lãi phạt chậm lãi là 110.795 (một trăm mười nghìn, bảy trăm chín mươi lăm) đồng

Kể từ ngày 15/9/2020 trở đi, ông B, bà S còn phải tiếp tục chịu lãi đối với số nợ chưa thi hành xong, mức lãi suất phát sinh được xác định theo hợp đồng tín dụng số 0621800012800 ngày 12/11/2018 và giấy nhận nợ số 0621800012800 ngày 12/11/2018.

Về án phí: Ông Võ Công B và bà Mai Thị S phải liên đới chịu 1.743.000 (một triệu, bảy trăm, bốn mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A 773.000 (bảy trăm, bảy mươi ba nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 02/6/2020 theo biên lai thu tiền số 0002557.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu